

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-PT

Ngày 09 -02-2023

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V Th, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2022/QĐ - PT ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị O, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Số 66, đường H V C, khối 2, phường Ngh H, thị xã C L, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị O: Bà Lê Thu H – Luật sư Văn phòng luật sư H và cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Đào Nhật T, sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT: Thôn Ô M 4, xã T Ph, huyện V Th, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Ô M 1, xã T Ph, huyện V Th, tỉnh Thái Bình

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T: Ông Phạm Trung K, Luật sư Công ty Luật TNHH PK Việt Nam, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên

- *Người kháng cáo:* Anh Đào Nhật T là bị đơn trong vụ án.
(Chị O, anh T, bà H, ông K đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn – chị Cao Thị O trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T Ph, huyện V Th, tỉnh Thái Bình. Trước khi kết hôn, chị và anh T đã chung sống với nhau như vợ chồng và sinh con Đào Cao Nhật N vào ngày 20/9/2016. Quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên đánh đập chị, cuộc sống hôn nhân vì thế không có hạnh phúc, đã nhiều lần chị bỏ qua cho anh T nhưng anh T không thay đổi tính tình. Sau khi đăng ký kết hôn xong, do điều kiện kinh tế khó khăn, chị và anh T thống nhất để chị lao động tại Nhật Bản từ tháng 11/2019. Đến ngày 24/5/2022, chị về Việt Nam, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ngày 28/6/2022, anh T đánh chị, chị phải nhờ đến chính quyền địa phương xã T Ph can thiệp. Sau đó, chị về nhà bố mẹ đẻ sống từ đó. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Đào Cao Nhật N, sinh ngày 20/9/2016. Ly hôn chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Nhật T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị O trình bày. Anh và chị O sống với nhau từ năm 2016, đến khoảng đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị O tính tình trẻ con, vụng về, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị O không thay đổi, vợ chồng vì thế mà thường xuyên xảy ra xung đột, cãi chửi nhau, mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào tháng 6/2022. Kể từ đó, chị O bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân, không liên lạc, hời hợt cuộc sống của nhau. Nay chị O xin ly hôn, bản thân anh không muốn ly hôn vì con sẽ khổ, nhưng do chị O kiên quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn với điều kiện chị O đồng ý giao con chung cho anh nuôi dưỡng. Sau đó, anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị O đã trầm trọng nên nhất trí ly hôn.

- Về nuôi con chung: Hiện anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào

Cao Nhật N nên anh đề nghị Tòa án giao con cho anh tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Cao Nhật T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung như chị O trình bày, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị L là mẹ đẻ anh T trình bày: Chị O và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 và sinh cháu Đào Cao Nhật N vào tháng 9/2016, đến năm 2019 anh chị mới đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng cụ thể vì lý do gì bà không rõ. Từ tháng 6/2022, chị O đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay chị O xin ly hôn, bà không mong muốn anh chị phải chia ly, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị O kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: bà Lý đề nghị Tòa án giao cháu Nam cho anh T nuôi dưỡng vì hiện nay cháu đang ở với anh T, chị O chỉ về nhà thăm con chứ không gửi tiền về nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung bà không rõ, trong thời gian chung sống với gia đình bà, anh T, chị O không đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình bà, không xây dựng, kiến thiết gì thêm.

Bà Nguyễn Thị L1 là mẹ đẻ chị O trình bày: trước khi kết hôn chị O đã mang thai cháu N và sinh cháu vào ngày 20/9/2016. Thời điểm đó, chị O sinh sống tại gia đình bà, được gia đình chăm sóc chu đáo cho hai mẹ con. Khi cháu N được 3 tháng tuổi thì anh T đón hai mẹ con về gia đình anh T sinh sống và đến ngày 19/11/2019 anh T, chị O mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chị O, anh T chung sống theo bà được biết vợ chồng sống không hạnh phúc do anh T tính tình gia trưởng nên thường xuyên xảy ra bất đồng, cãi chửi nhau. Mặt khác, do kinh tế khó khăn nên từ tháng 11/2019 đến tháng 5/2022, chị O phải đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng thường xuyên cãi nhau qua điện thoại, từ đó mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và trầm trọng hơn. Nay chị O xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của chị O vì anh chị khó có khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Chị O có đủ điều kiện và có nguyện vọng tha thiết được nuôi con. Thời gian chị O đi lao động tại Nhật Bản vẫn quan tâm và thường xuyên gửi tiền về nuôi dưỡng cháu N. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án xem xét và giao cho chị O được quyền nuôi dưỡng cháu N. Gia đình bà cũng sẽ hỗ trợ chị O để chăm sóc đầy đủ cho cháu N.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị O không có tài sản chung, không có khoản vay nợ chung đối với cá nhân, tổ chức xã hội nào.

Tại bản án số 43/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V Th, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị O được ly hôn anh Đào Nhật T.

Về con chung: Xử giao cho chị Cao Thị O trực tiếp nuôi dưỡng con Đào Cao Nhật N, sinh ngày 20/9/2016. Ghi nhận việc chị O không yêu cầu anh Đào Nhật T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Chị O, anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2022 anh Đào Nhật T kháng cáo phần nuôi con chung của bản án sơ thẩm. Anh T đề nghị Tòa án giao con chung Đào Cao Nhật N cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo trình bày: Cháu N từ bé đều sinh sống cùng bố, mẹ và ông bà nội, khi chị O đi lao động tại Nhật Bản, cháu N ở với bố, cháu được chăm sóc tốt, đến thời điểm hiện nay cháu vẫn phát triển tốt thể hiện bằng các nhận xét của các cô giáo đã và đang dạy cháu, như vậy anh T đã thực hiện tốt vai trò làm cha. Cháu N đang trong giai đoạn phát triển tâm lý cần sự ổn định, vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, sửa bản án sơ thẩm, giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị O mang thai cháu N từ khi còn lao động tại Nhật Bản, sau đó về Việt Nam sinh con trong khi chưa đăng ký kết hôn là rất thiết thời; khi chung sống cùng anh T, vợ chồng đi làm ăn, con gửi ông bà nội nên chị O cũng không được trực tiếp chăm sóc

con; sau đó vì muốn phát triển kinh tế gia đình, chị O đã phải xa con để đi xuất khẩu lao động nhưng vẫn gửi tiền về nuôi con, thể hiện ở các lần mà bản án sơ thẩm đã đề cập, còn khoản 100 triệu đồng là khoản chị O cho anh T vay. Cháu Nam còn nhỏ cần sự chăm sóc, bù đắp tình cảm của người mẹ, vì vậy đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung, giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Đào Nhật T làm trong hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Đào Nhật T thấy:

Chị O và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con, đây là nguyện vọng chính đáng của anh chị. Xét thấy, cả chị O và anh T có điều kiện nuôi con là ngang nhau, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu N từ khi được 3 tháng tuổi đều sống cùng bố mẹ và ông bà nội, thời gian chị O đi lao động tại Nhật Bản từ tháng 11/2019 đến tháng 5/2022 cháu N vẫn sống cùng bố và ông bà nội, cháu được nuôi dưỡng phát triển tốt, hiện nay cháu đang học tại Trường Tiểu học T Ph, theo nhận xét của cô giáo thì cháu học tập tốt, tinh thần tốt, phát triển đều. Như vậy, Hội đồng xét xử đánh giá hiện nay cháu N đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, anh T có chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc con chung. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lý do trong thời gian đi lao động tại Nhật Bản, chị O vẫn gửi tiền về chăm sóc con, thể hiện bằng 3 lần gửi tiền, trong đó có ngày 08/12/2021 và ngày 10/01/2022 số tiền 105.000.000 đồng, tuy nhiên các T liệu anh T gửi kèm theo đơn kháng cáo thể hiện có số tiền 100.000.000 đồng là tiền chị O cho anh T vay, không phải là tiền nuôi con, tại phiên tòa phúc thẩm chị O cũng thừa nhận số tiền 100.000.000 đồng chị

cho anh T vay mua đất mục đích giúp anh T làm ăn, có thêm thu nhập, phát triển kinh tế để nuôi con tốt hơn. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét việc chị O gửi tiền về nuôi con mà không xem xét đến các điều kiện khác như việc ổn định cuộc sống, môi trường học tập để giao con cho chị O nuôi dưỡng là chưa hợp lý. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho con chung, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu N, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giao con chung cho anh T nuôi dưỡng để không phải thay đổi môi trường sống và học tập mà vẫn đảm bảo cuộc sống tốt cho con chung. Chị O có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đào Nhật T; sửa bản án sơ thẩm số 43/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V Th, tỉnh Thái Bình về quan hệ nuôi con chung, cụ thể:

Áp dụng Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình:

Xử giao con chung Đào Cao Nhật N, sinh ngày 20/9/2016 cho anh Đào Nhật T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Chị O có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Cao Nhật T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại anh T 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp tại biên lai số 0001318 ngày 19/10/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V Th, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/02/2023).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Thi hành án huyện V Th, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã TPh, huyện V Th, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự; NBVQ&LIHP;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Hải Yến